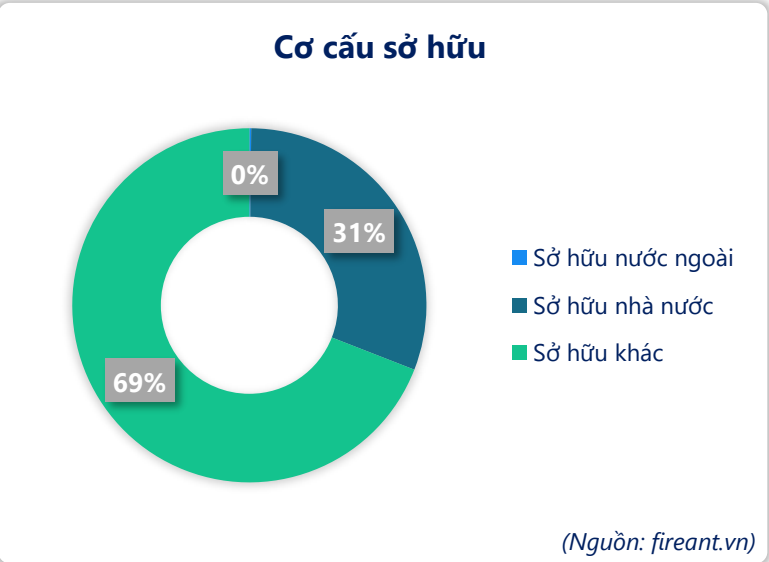
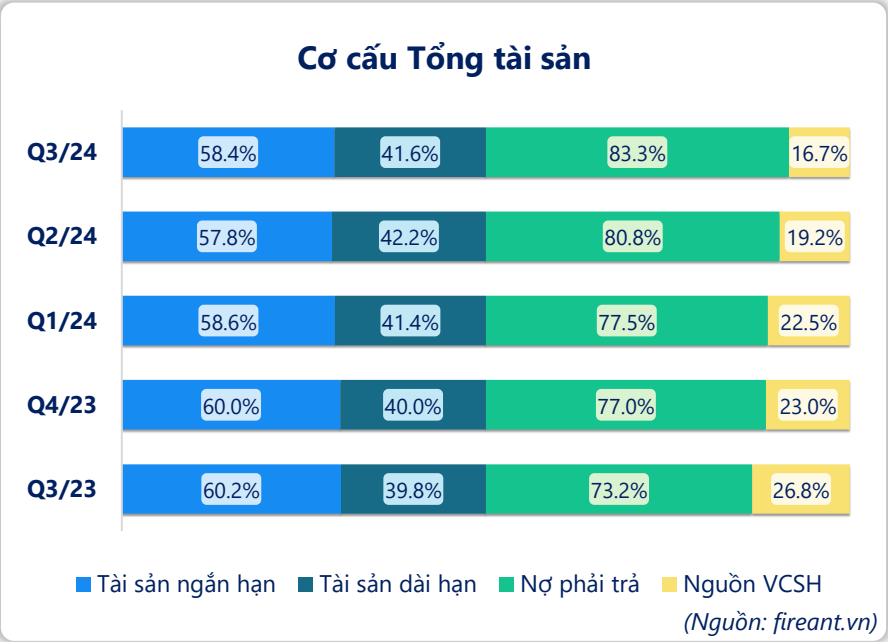
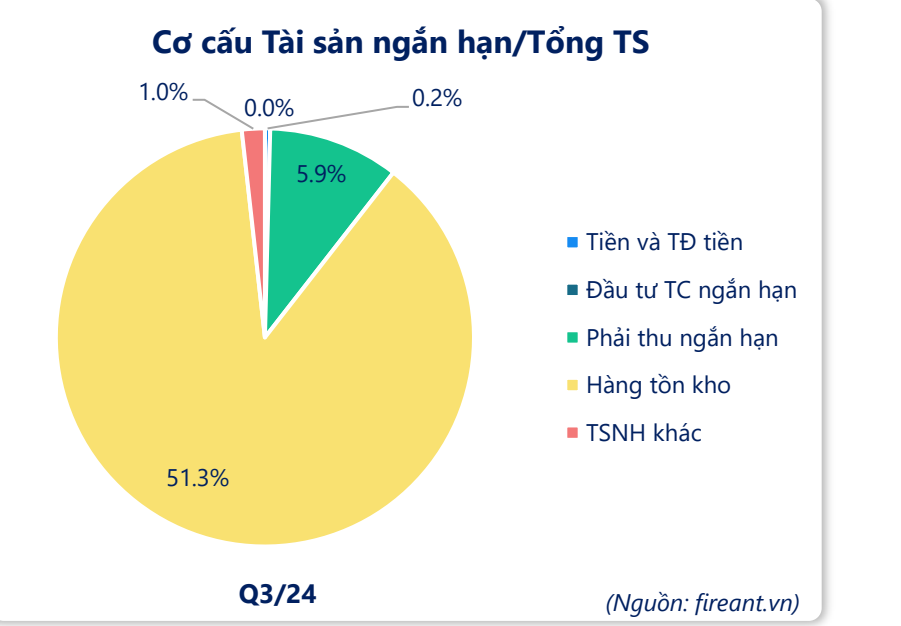
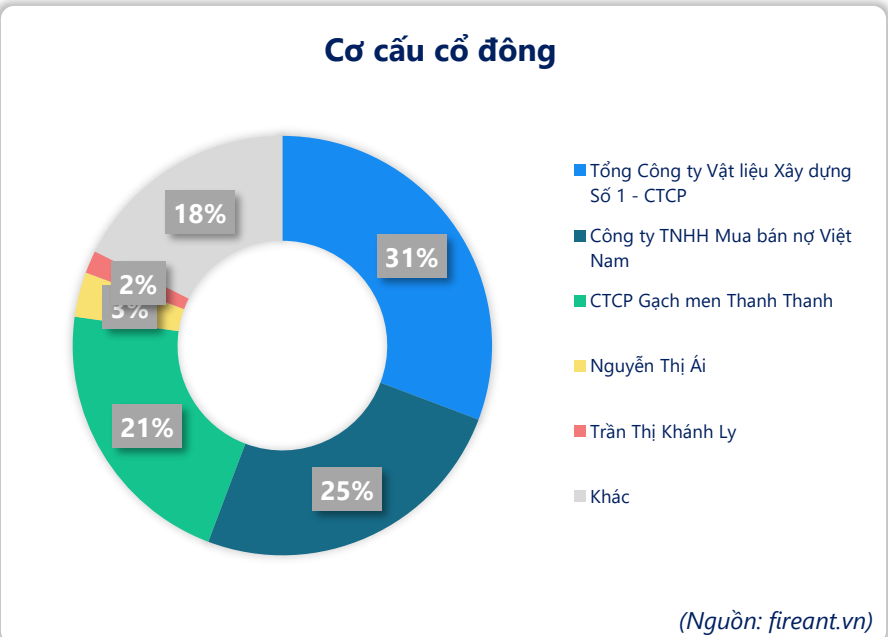
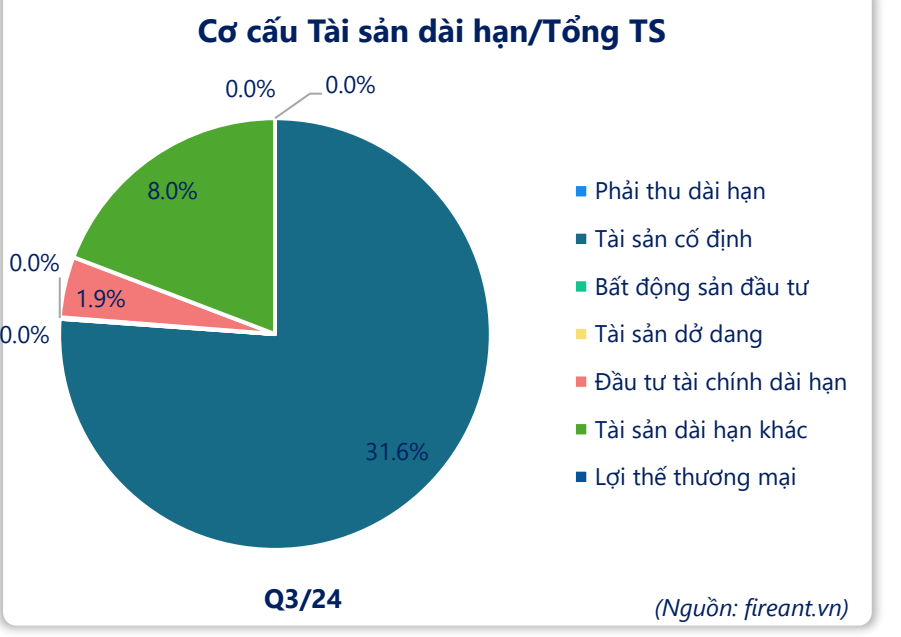
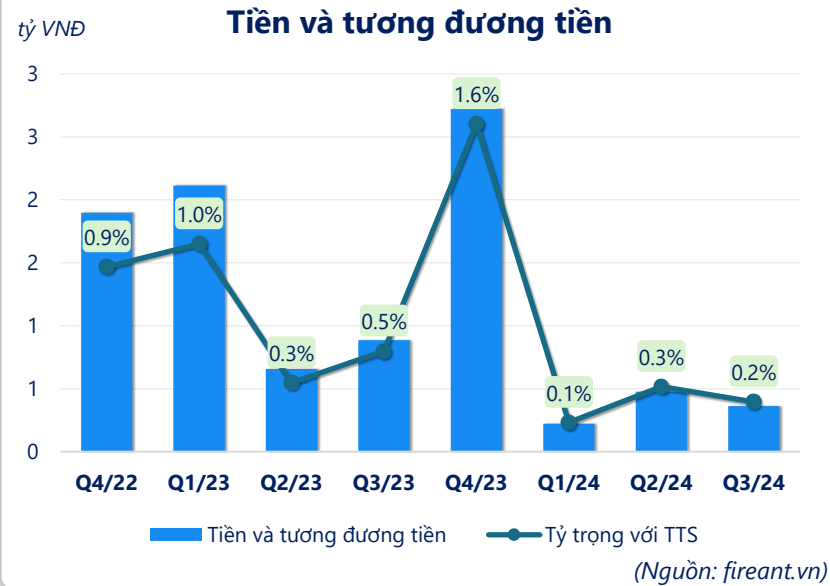
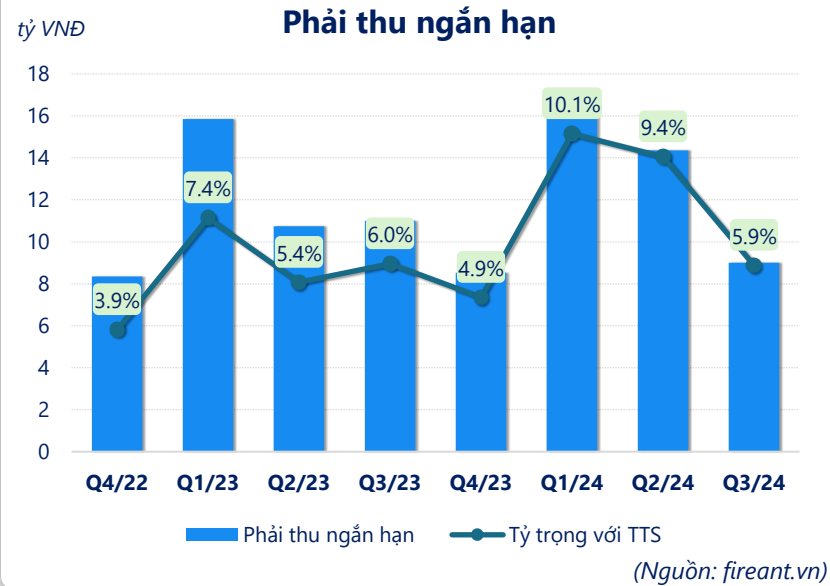
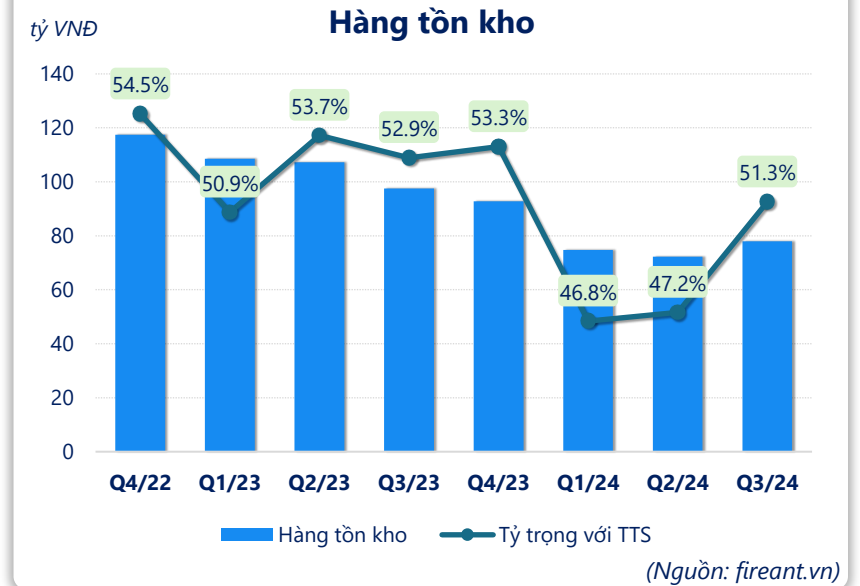
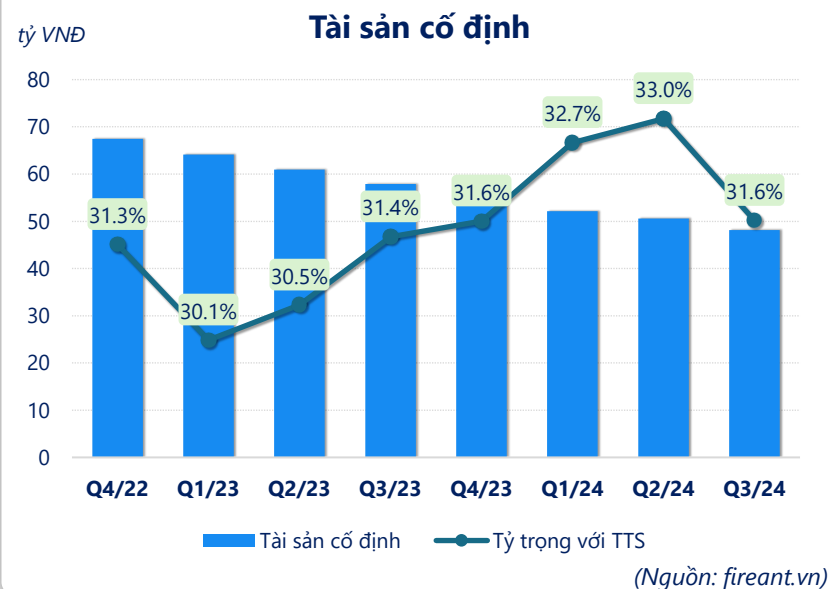
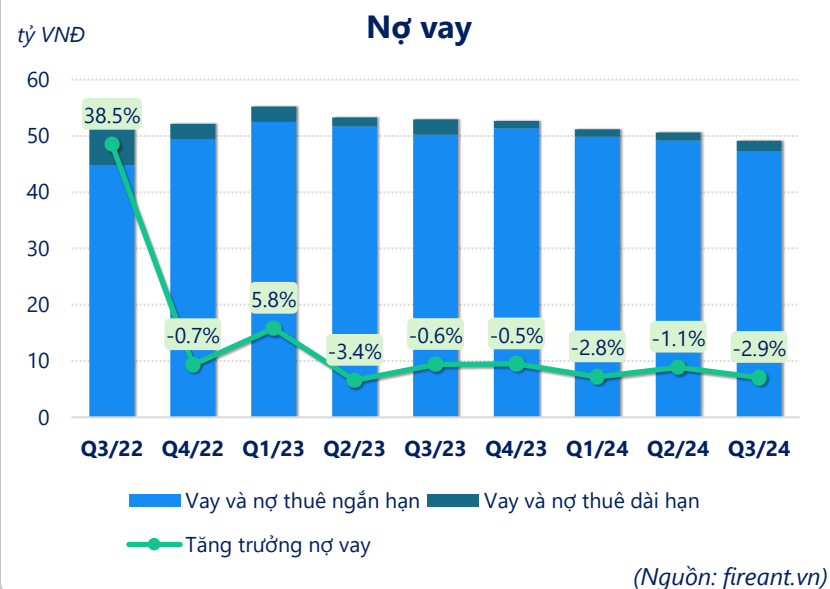
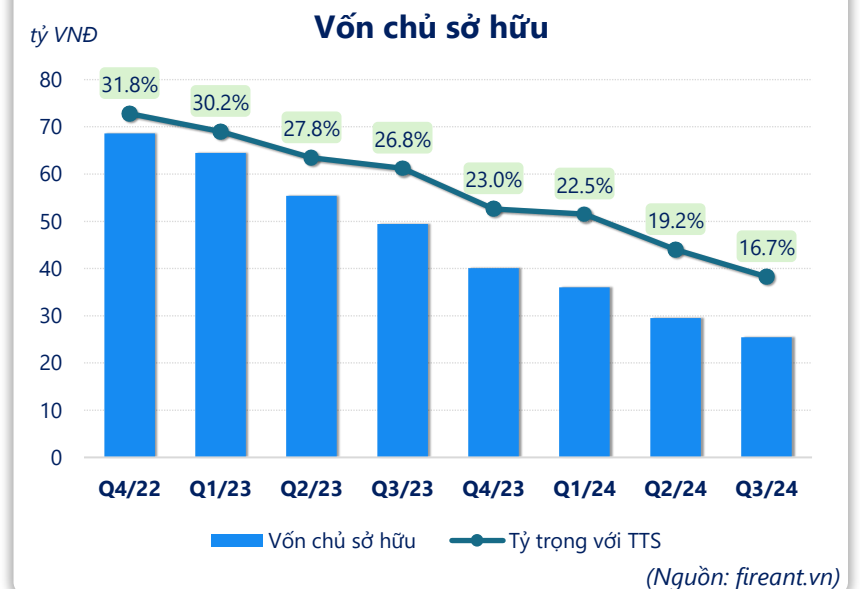
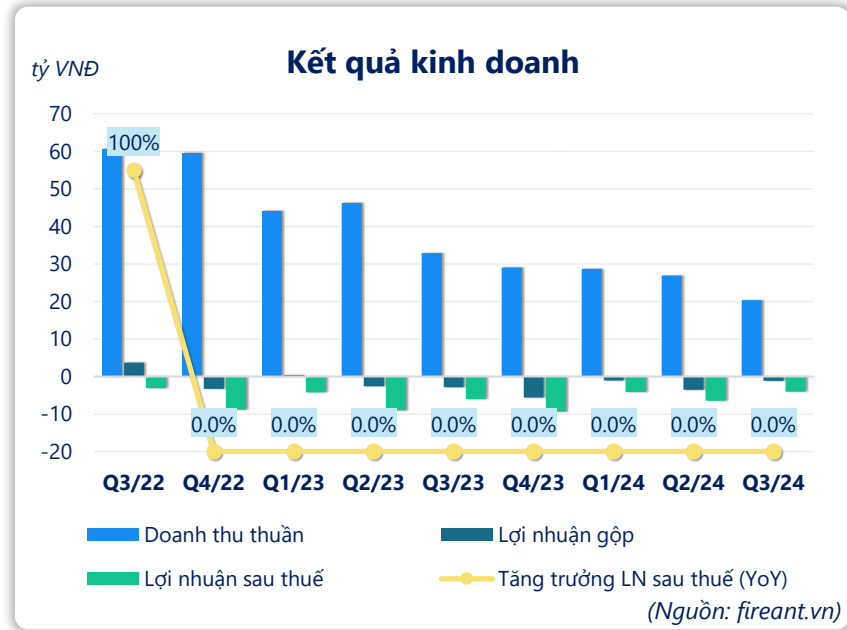
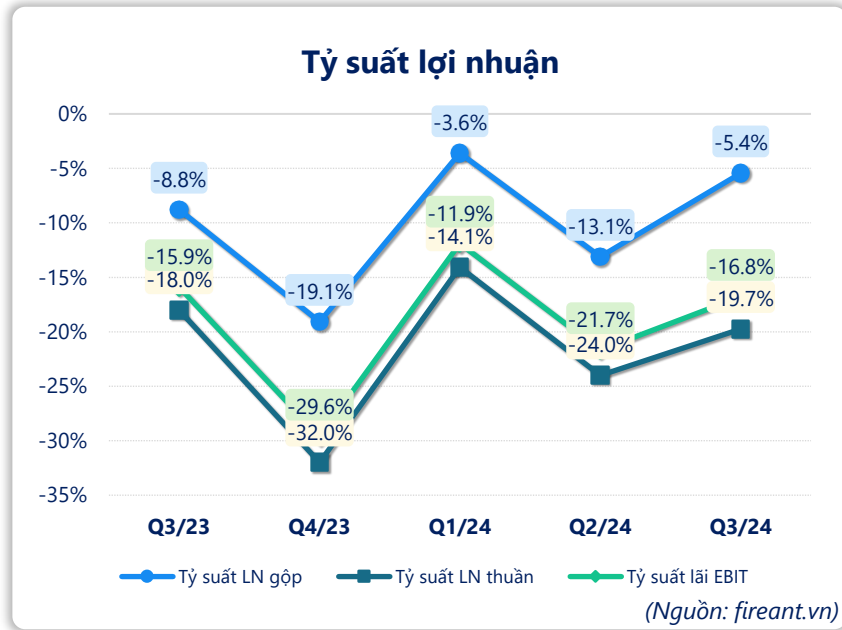
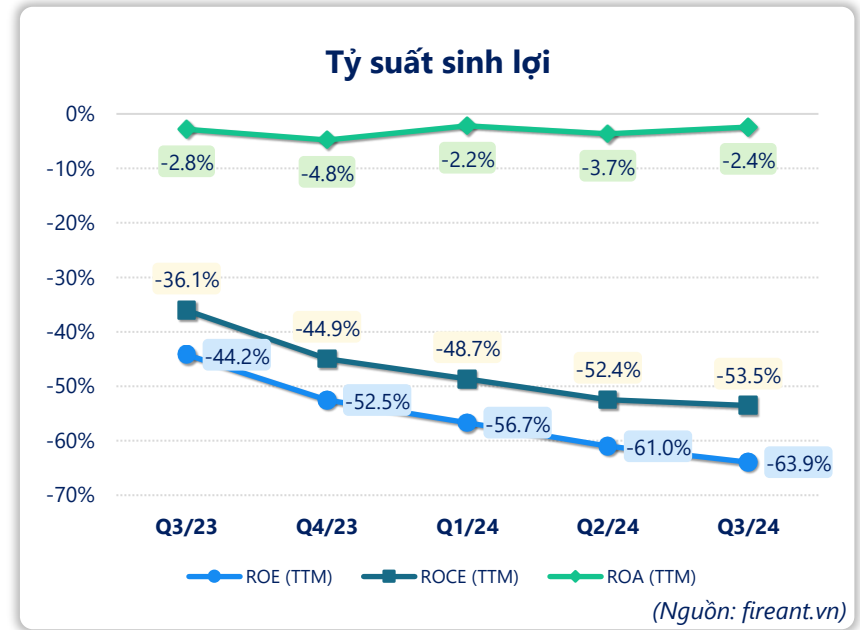
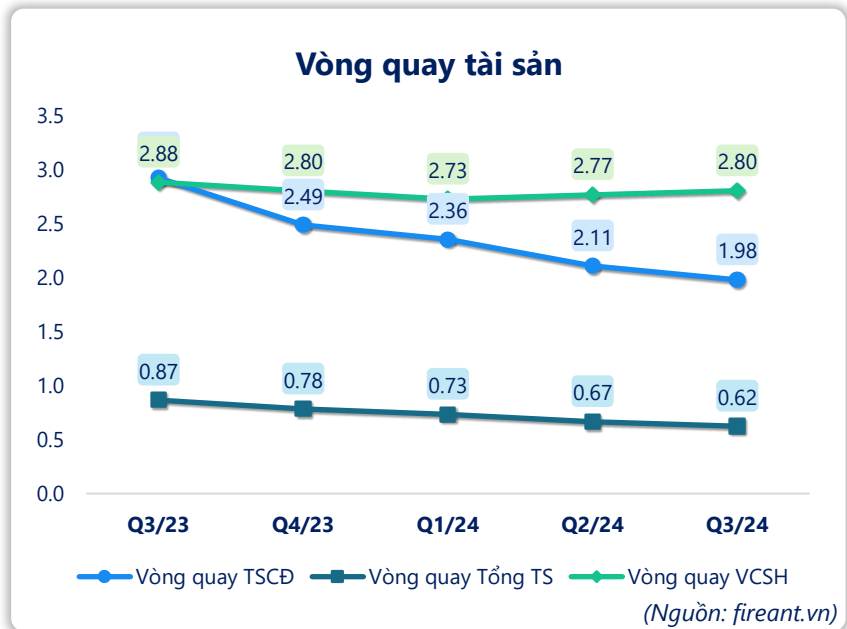
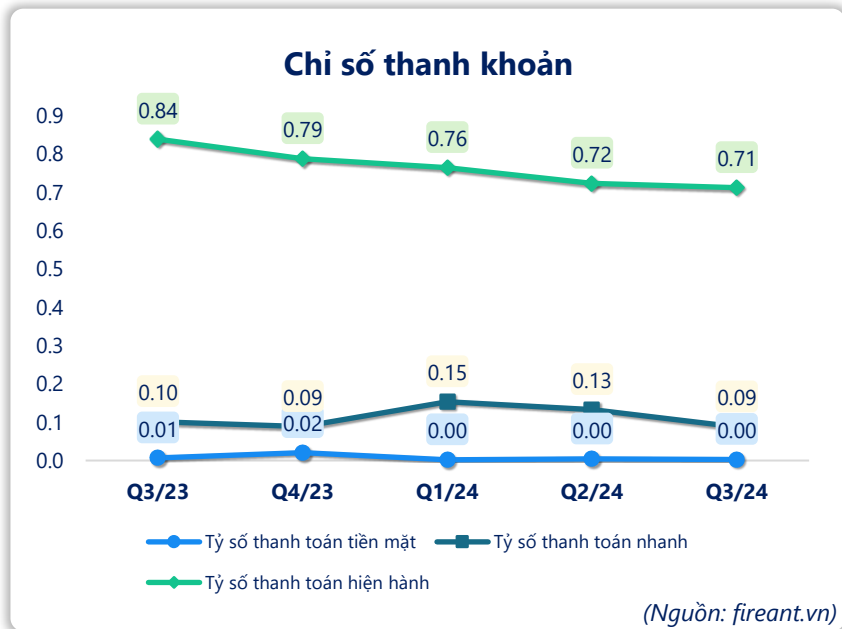
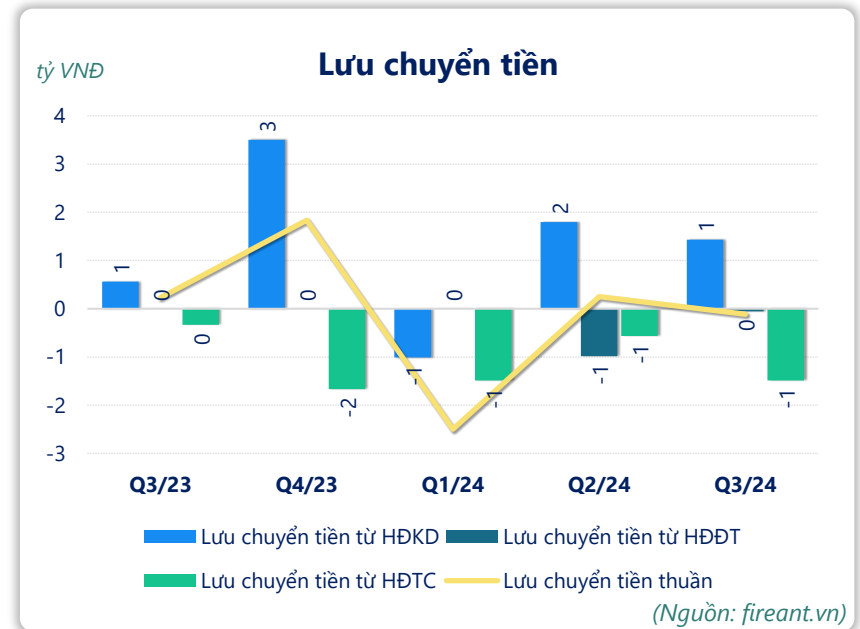


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		3,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		6,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		3,300
SL cổ phiếu LH		8,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,695
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		28
P/E		-1.2
EPS		-2,991

	YTD	1T	3T	6T
VTA	-12.5%	-10.3%	-7.9%	-7.9%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	152	174	-12.6%
Tài sản ngắn hạn	88.9	104	-14.9%
Tiền và tương đương tiền	0.36	2.72	-86.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	9.01	8.52	5.7%
Hàng tồn kho	78.0	92.7	-15.9%
Tài sản ngắn hạn khác	1.58	0.49	224%
Tài sản dài hạn	63.2	69.5	-9.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	48.1	55.0	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.07	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	2.88	2.88	0.0%
Tài sản dài hạn khác	12.1	11.6	4.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	127	134	-5.4%
Nợ ngắn hạn	125	133	-5.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	47.3	51.3	-7.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	59.3	62.1	-4.4%
Nợ dài hạn	1.84	1.33	38.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.84	1.33	38.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	25.5	40.1	-36.5%
Vốn chủ sở hữu	25.5	40.1	-36.5%
Vốn điều lệ	80.0	80.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	32.9	29.0	28.7	26.9	20.4
Giá vốn hàng bán	35.8	34.6	29.7	30.4	21.5
Lợi nhuận gộp	-2.89	-5.54	-1.03	-3.53	-1.11
Doanh thu HĐTC	0.03	0.02	0.05	0.14	0.00
Chi phí TC	0.79	0.84	0.68	0.64	0.64
Chi phí lãi vay	0.79	0.73	0.68	0.64	0.63
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.12	1.58	1.26	0.97	1.02
Chi phí QLDN	1.16	1.36	1.11	1.46	1.25
LN thuần từ HĐKD	-5.93	-9.29	-4.04	-6.46	-4.02
Lợi nhuận khác	-0.09	-0.04	-0.05	-0.02	-0.03
LN trước thuế	-6.02	-9.33	-4.09	-6.47	-4.04
Lợi nhuận sau thuế	-6.02	-9.33	-4.09	-6.47	-4.04
LNST của CĐ cty mẹ	-6.02	-9.33	-4.09	-6.47	-4.04

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.57	3.50	-1.01	1.79	1.43
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	0.00	0.00	-0.98	-0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.34	-1.67	-1.49	-0.56	-1.48
Tiền đầu kỳ	0.66	0.88	2.72	0.22	0.48
Lưu chuyển tiền thuần	0.23	1.83	-2.50	0.25	-0.11
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	0.88	2.72	0.22	0.48	0.36

(Nguồn: fireant.vn)